

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 307/2022/HC-PT

Ngày 29 - 7 - 2022

*V/v khiếu kiện quyết định giải quyết
khiếu nại của Chủ tịch UBND*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Bà Lê Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính Thụ lý số 09/2021/TLPT-HC ngày 12 tháng 01 năm 2022 về việc “*khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND*”

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 38/2021/HC-ST ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6373/QĐPT-HC ngày 14/7/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Mạnh A, sinh năm 1953;

Địa chỉ: Khối 12, phường B, thành phố B1, tỉnh Nghệ An, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông A: Ông Trần Công A1, sinh năm 1958, có mặt;

Địa chỉ: Khối 1, phường B2, thành phố B1, tỉnh Nghệ An (theo văn bản ủy quyền ngày 25/7/2019).

*** Người bị kiện:** Chủ tịch và Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) thành phố B1, tỉnh Nghệ An;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc C, chức vụ: Chủ tịch UBND thành phố B1;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Sỹ C1, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố B1, (văn bản ủy quyền số 3197/QĐ-UBND ngày 24/6/2020) có đơn xin xét xử vắng mặt;

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. UBND tỉnh Nghệ An;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức C2, chức vụ: Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn C3, chức vụ: Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An (văn bản ủy quyền số 1482/QĐ-UBND ngày 19/5/2021), có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. UBND phường B, thành phố B1, tỉnh Nghệ An;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Trọng C4, chức vụ: Chủ tịch UBND phường B, thành phố B1;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn C5, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND phường B (theo văn bản ủy quyền số 138/QĐ-UBND ngày 16/7/2021), có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị A2, sinh năm 1955;

Địa chỉ: Khối 12, phường B, thành phố B1, tỉnh Nghệ An, có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Mạnh A, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Ngày 09/10/2018 UBND thành phố B1, tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định số 5973/QĐ-UBND về việc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân (sau đây gọi tắt là Quyết định số 5973) đối với hộ gia đình ông Nguyễn Mạnh A và bà Nguyễn Thị A2, địa chỉ: Khối 12, phường B, thành phố B1, tỉnh Nghệ An. Theo quyết định này gia đình ông A được giao diện tích đất 44,46m², có giá trị 1.209.312.000đ nhưng không tính toán để bồi thường phần tiền chênh lệch nghĩa vụ tài chính giữa thu hồi đất và giao đất, lẽ ra phải bồi thường cho gia đình ông số tiền 2.517.686.400 đồng. Không đồng ý với Quyết định 5973, ông Nguyễn Mạnh A đã khiếu nại, ngày 06/9/2019 UBND thành phố B1 có thông báo số 5290/UBND-TNMT về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông A liên quan đến việc hỗ trợ, miễn giảm nộp tiền sử dụng đất đối với thương binh (sau đây gọi tắt là thông báo số 5290). Ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Chủ tịch UBND thành phố B1 ban hành Quyết định số: 4222/QĐ-UBND, (sau đây gọi tắt là Quyết định số 4222) về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Mạnh A (Lần đầu). Theo đó không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông A; không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại, nên ông Nguyễn Mạnh A đã khởi kiện tại

Tòa án, yêu cầu Tòa án xem xét hủy Quyết định số 4222 và hủy Thông báo số: 5290.

Tại phiên tòa sơ thẩm người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền rút yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên hủy Công văn số: 5290; yêu cầu UBND thành phố B1 chi trả số tiền chênh lệch được nhận 1.671.168.000 đồng (sau khi được giảm trừ chế độ thương binh là 846.518.400 đồng).

** Quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:*

Thửa đất khu tập thể M thuộc khối 12, phường B, thành phố B1 có diện tích hơn 10.529 m², được Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An cấp cho Xí nghiệp M để quản lý và sử dụng, không thu tiền sử dụng đất từ năm 1976. Xí nghiệp đã sử dụng thửa đất này để xây dựng trụ sở và xây dựng nhà ở cho công nhân. Năm 1989 đến năm 1993, xí nghiệp M hóa giá toàn bộ nhà ở và công trình không phải là nhà ở cho cán bộ công nhân tại khu tập thể này trong đó có gia đình ông Nguyễn Mạnh A. Năm 2004, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An có quyết định thu hồi đất giao cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà Hà Nội số 30 để thực hiện dự án xây dựng khu chung cư cao tầng. Do dự án không thực hiện, năm 2012 Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An đã chuyển sang quy hoạch đất ở tại chỗ cho các hộ gia đình theo Quyết định số: 109/2007/QĐ-UBND, ngày 21/9/2007 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc xóa nhà tập thể cũ trên địa bàn thành phố B1. Thực hiện chủ trương này, Ủy ban nhân dân thành phố B1 đã giao cho Ủy ban nhân dân phường B làm chủ đầu tư dự án. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B đã quy hoạch phân lô, thực hiện bồi thường GPMB, tái định cư, được Ủy ban nhân dân thành phố B1 thẩm định phê duyệt. Quá trình thực hiện dự án chủ đầu tư là Ủy ban nhân dân phường B đã thực hiện không đúng quy định pháp luật, gây thiệt hại cho gia đình ông.

Năm 1989 gia đình Công được Xí nghiệp M bán thanh lý hóa giá thửa đất có nhà ở của gia đình có diện tích 105,9m² sử dụng ổn định trước 15/10/1993, không tranh chấp, được UBND phường B xác nhận; trên đất có 2 hộ là hộ bà Nguyễn Thị A2 và hộ ông Nguyễn Thế A3 (con trai ông A). Tuy nhiên, khi triển khai thực hiện dự án, Ủy ban nhân dân thành phố B1 chỉ công nhận phần diện tích nhà ở thanh lý hóa giá là đất ở 10,5m², sử dụng trước 15/10/1993, được bồi thường về đất 100% tiền sử dụng đất, theo khoản 1 điều 6 Nghị định số: 45/2014/NĐ-CP của chính phủ; phần diện tích đất 95,4m² gia đình sử dụng trước 15/10/1993, xây dựng các công trình phục vụ đời sống (Như nhà ăn, nhà bếp, sân phơi, giếng nước...) không phải tài sản thanh lý hóa giá, UBND thành phố B1 không A nhận đất ở và cho rằng lấn chiếm đất chuyên dùng, hay đất chưa sử dụng, vi phạm Điều 22 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ thực hiện bồi thường 50% giá trị tiền sử dụng đất theo khoản 2 Điều 6 Nghị định số: 45/2014/NĐ-CP của Chính phủ; UBND thành phố B1 cho rằng khu đất Nhà nước giao cho Công ty M quản lý và sử dụng là đất chuyên dùng theo nội

dung Quyết định số: 1444/QĐ-UBND, ngày 24/8/2004 về việc thu hồi đất của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An. Căn cứ quy định tại Nghị định số: 181/2004/NĐ-CP của Chính phủ là không có cơ sở. Bởi vì, toàn bộ tài sản là nhà ở tập thể và tài sản không phải là nhà ở trên thửa đất 10.529 m², đơn vị đã bán thanh lý hóa giá cho các hộ gia đình năm 1989 để làm nhà ở. Trước 15/10/1993, toàn bộ tài sản trên thửa đất đều là nhà ở của công nhân, toàn bộ thửa đất 10.529 m² lúc này chỉ còn một mục đích sử dụng vào đất ở theo hiện trạng, không có công trình nào sử dụng làm trụ sở cơ quan để sử dụng đất vào mục đích đất chuyên dùng. Vì lẽ đó gia đình ông Nguyễn Mạnh A sử dụng phần diện tích đất ở ngoài diện tích có tài sản hóa giá không vi phạm Điều 22 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ khi Nhà nước thu hồi được bồi thường 100% tiền sử dụng đất theo khoản 1 Điều 6 Nghị định số: 45/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

Theo ông Nguyễn Mạnh A và người đại diện theo ủy quyền thì toàn bộ thửa đất 105,9m² mà hộ gia đình ông A sử dụng có nhà ở ổn định, đất sử dụng trước ngày 15/10/1993, không lấn chiếm đất chuyên dùng, không có tranh chấp, phù hợp quy hoạch và đất được giao trong hạn mức; căn cứ vào các quy định tại khoản 4, 5 Điều 103 của Luật Đất đai 2003, khoản 7 Điều 20 của Nghị định số: 45/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; không vi phạm Điều 22 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai thì khi Nhà nước thu hồi đất được bồi thường 100% tiền sử dụng đất, theo đó hộ gia đình ông A được tính tiền bồi thường như sau:

$$105,9 \text{ m}^2 \times 27.200.000 \text{ đồng} / \text{m}^2 = 2.880.480.000 \text{ đồng}.$$

Về giao đất: Hộ gia đình ông A được giao lô đất số 98 diện tích: 44,46m² tại khối 12, phường B, thành phố B1, tỉnh Nghệ An. Số tiền sử dụng đất phải nộp là: 44,46 m² x 27.200.000đ = 1.209.312.000 đồng.

Bù trừ nghĩa vụ nơi đi và đến gia đình ông Nguyễn Mạnh A phải được nhận phần chênh lệch là: 1.671.168.000 đồng (2.880.480.000 - 1.209.312.000).

Tuy nhiên Ủy ban nhân dân thành phố B1 thực hiện việc bù trừ nghĩa vụ tài chính giữa nơi đi và nơi đến cho gia đình ông theo phương án:

$$\text{Đất ở } 10,5 \text{ m}^2 \times 27.200.000 \times 100\% = 285600.000 \text{ đồng};$$

$$\text{Đất coi nói: } 95,4 \text{ m}^2 \times 27.200.000 \text{ đồng} \times 50\% = 1.297.440.000 \text{ đồng};$$

$$\text{Làm thiệt hại cho gia đình ông Nguyễn Mạnh A: } 1.671.168.000 \text{ đồng}.$$

Về giao đất tái định cư:

Tại thửa đất 105 m² mà hộ ông A đang sử dụng hiện có hai hộ đang sinh sống gồm hộ ông Nguyễn Mạnh A và hộ anh Nguyễn Thế A3, đất đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Điều 100 của Luật Đất đai 2013; Diện tích 105,9 m² đủ điều kiện để được tách thửa cho hai hộ; khi Nhà

nước thu hồi hộ gia đình chỉ có chỗ ở duy nhất không có chỗ ở nào khác trên địa bàn phường nơi đất bị thu hồi; theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số: 47/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ và khoản 2 Điều 7 Quyết định số: 58/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An thì hộ gia đình anh Nguyễn Thế A3 phải được cấp một lô đất tái định cư. Đáng lẽ, gia đình ông được giao 2 lô đất ở tái định cư, một lô cho hộ gia đình ông Nguyễn Mạnh A bà A2, một lô giao cho hộ anh Nguyễn Thế A3, nếu khu đất phân lô đất ở tại chỗ không đủ giao cho các hộ thì được giao đất ở khu tái định cư nơi khác trên địa bàn thành phố B1, có chất lượng tương đương.

** Người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố B1, tỉnh Nghệ An, trình bày:*

Thực hiện Đề án xóa nhà ở tập thể cũ trên địa bàn thành phố B1 được Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An phê duyệt tại Quyết định số: 109/2007/QĐ-UBND, ngày 21/9/2007 với mục tiêu quy hoạch, cải tạo, xây dựng lại và từng bước xóa bỏ các khu nhà ở tập thể cũ, đảm bảo điều kiện sinh hoạt cho người dân đang ở trong khu tập thể, nhằm chỉnh trang và phát triển đô thị. Đối với Khu tập thể M, các hộ dân đã thống nhất, cam kết tự giải phóng công trình trên đất trả lại mặt bằng để quy hoạch không yêu cầu bồi thường, tự đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng và phân lô đất ở. Do đó, trong quá trình xây dựng giá đất nơi đi, nơi đến để thực hiện hỗ trợ khẩu trừ nghĩa vụ tài chính cho công dân khi được giao đất trình UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt không bao gồm các kinh phí về bồi thường giải phóng mặt bằng, kinh phí xây dựng hạ tầng...theo nguyện vọng và cam kết của các hộ dân trong Khu tập thể.

Theo bản đồ đo đạc năm 1993 thể hiện các gian nhà tập thể của các hộ gia đình, cá nhân nằm trong khu đất chuyên dùng do Công ty M quản lý sử dụng (thửa 144, 145, 146, 147, 148, tờ bản đồ số 02). Bản đồ đo đạc năm 2000 kèm theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất thể hiện các gian nhà tập thể nằm trong khu đất chuyên dùng thuộc các thửa đất số 78, 79, tờ bản đồ số 03 và thửa đất số 8, 25, 32, 37, 39 tờ bản đồ số 10 do Công ty M quản lý sử dụng. Theo Quyết định số: 1444/QĐ-UB.ĐC, của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ngày 24/8/2004 về việc thu hồi 10.529,3 m² đất chuyên dùng tại các thửa đất số 78, 79, tờ bản đồ số 03 và thửa đất số 8, 25, 32, 37, 39 tờ bản đồ số 10, phường B do Công ty M quản lý sử dụng (để giao cho Công ty đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà Nghệ An thực hiện dự án đầu tư xây dựng chung cư). Việc phân lô quy hoạch trên quỹ đất quy hoạch chia lô đất ở dân cư Khu tập thể M và Nông sản Xuất nhập khẩu, phường B được thực hiện trên tinh thần các hộ gia đình thống nhất, có bản cam kết (trong đó có hộ ông Nguyễn Mạnh A) nêu rõ khi phân lô theo tuyến ở ổn định trên cơ sở cũ (có xê dịch vị trí các lô đất theo quy hoạch của các cấp có thẩm quyền phê duyệt), nhất trí với diện tích đất được phân theo mặt bằng quy hoạch chia lô trên cơ sở quy hoạch chia lô theo các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Theo phương án các hộ dân tự thảo luận và thống nhất thì diện tích quy hoạch chia lô đất ở là 9,737.12 m² (chiếm 66,75 % quỹ đất), phần diện tích còn lại là diện tích đất quy

hoạch xây dựng hệ thống thoát nước là 459,09 m² (*chiếm 3,14% quỹ đất*), quy hoạch hệ thống giao thông là 4029,26 m² (*chiếm 27,6% quỹ đất*), đất xây dựng hội quán là 181.66 m². Như vậy phần diện tích chênh lệch giữa nơi có gian nhà tập thể (*có coi nói, lấn chiếm tăng*) phần coi nói thêm là dùng để xây dựng đường, mương, hội quán phục vụ cho các hộ dân và các hộ đã tự cam kết thống nhất không yêu cầu bồi thường giải phóng mặt bằng, các hộ tự đầu tư xây dựng hạ tầng.

Đối với hộ ông Nguyễn Mạnh A: Năm 1989 vợ ông A là bà Nguyễn Thị A2 được Xí nghiệp M hóa giá nửa gian nhà tập thể (*Có giấy tờ*) với diện tích 10,5m². Hồ sơ hóa giá nhà ở tập thể, gồm có: Quyết định số: 39/ HC-XN ngày 10/11/1989 của Xí nghiệp M, về việc bán nhà ở khu tập thể cho cán bộ công nhân viên của xí nghiệp; Hợp đồng số: 79/CBCNV/XN, ngày 21/11/1989, mang tên bà Nguyễn Thị A2 với diện tích gian nhà hóa giá là 10,5 m²; Sơ đồ hoá giá số 17 phòng số 7 diện tích 10,5 m². Diện tích hiện trạng (*Theo Bản đồ đo đạc hiện trạng được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất phê duyệt ngày 09/5/2014*) là 105,9 m² được UBND phường B xác nhận diện tích nhà tập thể được hoá giá (*Có giấy tờ*) là 10,5m² và diện tích lấn chiếm ra đất khu tập thể trước ngày 15/10/1993 là 95,4m². Như vậy, căn cứ khoản 1 Điều 7, Bản quy định ban hành kèm theo Quyết định số: 78/2014/QĐ-UBND, ngày 27/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An thì ông Nguyễn Mạnh A - bà Nguyễn Thị A2 thuộc đối tượng mua thanh lý, hóa giá nhà tập thể trước ngày 01/7/2014, đủ điều kiện xem xét giao 01 lô đất không qua đấu giá quyền sử dụng đất trên cơ sở quỹ đất tại khu quy hoạch chi tiết chia lô đất ở khu tập thể M là đúng quy định (*Lô đất hộ ông A thỏa thuận bốc thăm, ký nhận lô đất đề nghị xét giao là lô số 98, diện tích 44,46 m²*).

Về giá đất: Căn cứ Quyết định số: 211/QĐ-UBND, ngày 21/3/2016 và Quyết định số: 692/QĐ-UBND, ngày 31/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ngày 16/01/2020, Sở Tài nguyên và Môi trường có Công văn số: 292/STNMT-KHTC khẳng định phương pháp xác định giá đất cụ thể theo quy định tại khoản 1, Điều 4 Nghị định số: 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ - cụ thể là sử dụng phương pháp so sánh trực tiếp.

Về nghĩa vụ tài chính khi được giao đất:

- Tiền sử dụng đất của lô đất số 62: $44,46 \text{ m}^2 \times 27.200.000.000 \text{ đ/m}^2 = 1.209.312.000 \text{ đồng}$;
- Mức hỗ trợ nghĩa vụ tài chính khấu trừ vào tiền sử dụng đất phải nộp đối với lô đất được xét giao không qua đấu giá quyền sử dụng đất:

Đối với phần diện tích nhà tập thể được Xí nghiệp M hóa giá trước ngày 15/10/1993: Căn cứ khoản 7, Điều 20, Nghị định số: 45/2014/NĐ-CP quy định về thu tiền sử dụng đất, để hỗ trợ khấu trừ 100% tiền sử dụng đất (*theo mức giá tại vị trí gian nhà tập thể*) vào số tiền sử dụng đất phải nộp (*theo mức giá tại lô đất xét giao*).

Đối với phần diện tích coi nói, lần chiếm trước ngày 15/10/1993: Căn cứ quy định tại khoản 2, Điều 6 Nghị định số: 45/2014/NĐ-CP để hỗ trợ 50% tiền sử dụng đất khấu trừ vào số tiền sử dụng đất phải nộp để được giao đất.

Với phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm, khi xem xét khấu trừ nghĩa vụ tài chính cho công dân khi được giao đất, Nhà nước chỉ xem xét đảm bảo số tiền sử dụng đất tại vị trí đất đang sử dụng có gian nhà tập thể được khấu trừ không vượt quá số tiền sử dụng đất phải nộp khi được giao lô đất quy hoạch. Số tiền được xem xét hỗ trợ và khấu trừ vào tiền sử dụng đất lô đất quy hoạch được xét giao không qua đấu giá quyền sử dụng đất đối với lô đất số 98 cho ông Nguyễn Mạnh A - bà Nguyễn Thị A2 là: 1.209.312.000 đồng. Do đó, tiền sử dụng đất ông Nguyễn Mạnh A - bà Nguyễn Thị A2 phải nộp vào ngân sách nhà nước để được giao đất là: 0 đồng

Về yêu cầu của ông Nguyễn Mạnh A được giao tái định cư hai lô đất cho hai hộ là hộ ông A và hộ anh Nguyễn Thế A3.

Về quỹ đất tại Khu tập thể Xí nghiệp M chỉ đủ phê duyệt chia lô đất ở với 186 lô đất, chỉ đảm bảo 01 hộ xét giao 01 lô đất. Theo biên bản họp toàn dân khối 12, phường B ngày 05/11/2012 trong đó lấy ý kiến về thực hiện quy hoạch chia lô đất ở Khu tập thể M đã thông qua kế hoạch phương án quy hoạch 186 hộ nên 01 hộ chỉ được phân 01 lô (*kể cả hộ có 2 bộ hồ sơ*) trước khi hoàn thành Bản vẽ quy hoạch để trình cấp thẩm quyền phê duyệt, 100% ý kiến thống nhất phương án quy hoạch chia lô đất ở. Lô đất hộ ông Nguyễn Mạnh A được xét giao là lô số 98 (*do hộ ông A tự bốc thăm, thỏa thuận, ký nhận lô đất*) có diện tích 44,46 m². Việc ông Nguyễn Mạnh A đề nghị được giao thêm 1 lô vì ông cho rằng trên gian nhà tập thể có 02 hộ đang sinh sống là hộ ông A và hộ con trai ông A là không có cơ sở giải quyết vì đây là chủ trương xác nhận việc sử dụng và giao đất tại chỗ để ổn định cuộc sống cho người dân. Không phải chủ trương thu hồi đất, việc bồi thường cho các hộ dân trong khu tập thể chỉ là hỗ trợ, không còn quỹ đất để xem xét cho hộ ông A. Hiện nay các hộ dân đều đã được giao đất ở, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có hộ gia đình ông Nguyễn Mạnh A. Việc tính toán lại phương án bồi thường để bù trừ nghĩa vụ khi được giao đất là không thể thực hiện được.

Như vậy, đại diện Ủy ban nhân dân thành phố B1, tỉnh Nghệ An không đồng ý với yêu cầu của ông Nguyễn Mạnh A về việc đề nghị hủy một phần Quyết định số 4222/QĐ-UBND, ngày 19 tháng 7 năm 2019 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Mạnh A, trú tại khối 12 phường B, thành phố B1 (lần đầu) của Chủ tịch UBND thành phố B1; Không đồng ý về lập lại phương án bồi thường giá trị 100% với diện tích đất 105,9 m² mà ông Nguyễn Mạnh A yêu cầu. Ủy ban nhân dân thành phố B1 cũng không có cơ sở để xem xét giao hai lô đất trong đó một lô cho anh Nguyễn Thế A3 như yêu cầu của ông Nguyễn Mạnh A, UBND thành phố B1 không đồng ý với yêu cầu của ông Nguyễn Mạnh A về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố B1 lập phương án bồi thường thu hồi đất, hỗ trợ tái định cư cho

hộ gia đình ông Nguyễn Mạnh A tính toán lại phương án thu hồi bồi thường để ông Nguyễn Mạnh A được nhận phần giá trị chênh lệch như yêu cầu. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND tỉnh Nghệ An trình bày:*

Giá đất cụ thể đối với các thửa đất theo quy hoạch chia lô đất ở dân cư tại khu Tập thể may mặc Việt Đức được Ủy ban nhân dân thành phố B1 phê duyệt tại Quyết định số: 6716 ngày 29/11/2013. Mức giá đã được Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh thông qua; Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số: 692/QĐ-UBND, ngày 31/8/2016 và Quyết định số: 21/QĐ-UBND.ĐC ngày 21/3/2016. Việc xác định giá đất cụ thể đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 114 Luật đất đai. Phương pháp xác định giá đất cụ thể được thực hiện theo khoản 1 Điều 4 Nghị định số: 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (phương pháp so sánh trực tiếp); Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt giá cụ thể tại Quyết định số: 211/QĐ-UBND.ĐC và Quyết định số: 692/QĐ-UBND là đúng thẩm quyền. Trình tự, thủ tục xác định giá đất cụ thể được thực hiện đúng quy định. Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An không đồng ý với yêu cầu hủy bỏ Quyết định số: 692/QĐ-UBND, ngày 31/8/2016 về phê duyệt mức giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện quy hoạch chia lô đất của người khởi kiện.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Đại diện Ủy ban nhân dân phường B trình bày:*

Thực hiện chủ trương quy hoạch lại khu tập thể Công ty M với phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm, các hộ gia đình trong đó có hộ ông Nguyễn Mạnh A đã cam kết về việc khi xem xét khấu trừ nghĩa vụ tài chính cho công dân khi được giao đất, Nhà nước chỉ xem xét đảm bảo số tiền sử dụng đất tại vị trí đất đang sử dụng có gian nhà tập thể được khấu trừ không vượt quá số tiền sử dụng đất phải nộp khi được giao lô đất quy hoạch. Số tiền được xem xét hỗ trợ và khấu trừ vào tiền sử dụng đất lô đất quy hoạch được xét giao không qua đấu giá quyền sử dụng đất đối với lô đất số 98 cho ông Nguyễn Mạnh A - bà Nguyễn Thị A2 là: 1.209.312.000 đồng, tiền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Mạnh A phải nộp vào ngân sách Nhà nước để được giao đất là: 0 đồng. Do đó, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông A.

** Bà Nguyễn Thị A2 đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mạnh A.*

Với nội dung trên tại Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2021/HC-ST ngày 23/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã quyết định: Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính; điểm đ Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 76, Khoản 1 Điều 82 của Luật Đất đai năm 2013; Khoản 7, Điều 20 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP của Chính Phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; khoản 1 Điều 4 Nghị định số: 44/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Điều 22 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP, của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai 2013; Quyết định số: 109/2007/QĐ-UBND, ngày 21/9/2007 về việc phê duyệt Đề án giải quyết nhà ở tập thể cũ trên địa bàn thành phố B1; Quyết định số: 78/2014/QĐ-UBND, ngày 27/10/2014 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành quy định giao đất không qua đấu giá quyền sử dụng đất; đăng ký; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Quyết định số: 58/2015/QĐ-UBND, ngày 13/10/2015 của UBND tỉnh Nghệ An quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mạnh A về:

- Hủy bỏ Quyết định số: 4222/QĐ-UBND, ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố B1 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Mạnh A, trú tại khối 12, phường B, thành phố B1, tỉnh Nghệ An (Lần đầu)

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố B1 phải lập lại phương án bồi thường thu hồi đất, hỗ trợ tái định cư cho hộ gia đình ông Nguyễn Mạnh A; bù trừ nghĩa vụ tài chính giữa nơi đi và nơi đến để hộ gia đình ông Nguyễn Mạnh A được nhận phần chênh lệch và giao một lô đất tái định cư cho anh Nguyễn Thế A3 (Con trai ông Nguyễn Mạnh A).

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/9/2021, ông Nguyễn Mạnh A có đơn kháng cáo; đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên nội dung kháng cáo, nhưng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm để chấp nhận đơn khởi kiện của ông A.

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Năm 1989 gia đình ông A mua thanh lý nhà tập thể của Xí nghiệp may Việt Đức và sử dụng ổn định từ đó cho đến khi bị thu hồi, chưa được nhà nước giao đất hoặc công nhận quyền sử dụng đất; tất cả đang sử dụng chung quyền sử dụng đất; gia đình ông A sử dụng ổn định từ trước ngày 15/10/1993, trên đất có 02 hộ gia đình sinh sống, được UBND phường B xác nhận. Tuy nhiên, UBND thành phố B1 chỉ bồi thường cho gia đình ông A diện tích 10,5m² (có nhà) là 100% tiền sử dụng đất, còn 95,4m² chỉ được tính bồi thường 50% giá trị từ đó dẫn đến UBND thành phố B1 xác định nghĩa vụ tài chính đối với gia đình ông A không đúng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông A. Hơn nữa, gia

đình ông A có hai hộ sinh sống trên đất bị thu hồi phải được bố trí 02 suất đất, nhưng UBND thành phố B1 chỉ bố trí cho gia đình ông A 01 suất đất là trái quy định của pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm để chấp nhận đơn khởi kiện của ông A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng các quy định pháp luật tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích đánh giá các chứng cứ cho rằng: Phía người khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 4222/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của Chủ tịch UBND thành phố B1 là không có căn cứ, Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật, tại cấp phúc thẩm không có thêm tình tiết gì mới, nên kháng cáo của ông A không có căn cứ để chấp nhận.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác kháng cáo của ông A, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; lời trình bày của người khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy như sau:

** Về thủ tục tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện trong vụ án hành chính là Quyết định số 4222/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của Chủ tịch UBND thành phố B1, tỉnh Nghệ An về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Mạnh A và yêu cầu UBND thành phố B1 phải lập lại phương án bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất cho hộ ông A là có căn cứ. Vì đây là quyết định hành chính, hành vi hành chính của UBND thành phố B1 là vụ việc thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và người ban hành quyết định hành chính là Chủ tịch UBND cấp huyện, nên thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Ngày 19/7/2019, Chủ tịch UBND thành phố B1 ban hành Quyết định 4222, đến ngày 31/10/2019 ông Nguyễn Mạnh A có đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An là đang trong thời hạn một năm, nên đang trong thời hiệu khởi kiện theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 30, Điều 32 và Điều 116 Luật tố tụng hành chính. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù người khởi kiện không yêu cầu xem xét Quyết định số 4314/QĐ-UBND ngày 11/7/2017 của UBND thành phố B1 về phê duyệt phương án xác định nghĩa vụ tài chính của hộ ông Nguyễn Mạnh A, Quyết định số: 5973/QĐ-UBND, ngày 09/10/2018 về giao đất

ở có thu tiền sử dụng đất và Quyết định số: 692/QĐ-UBND, ngày 31/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt mức giá đất để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện quy hoạch chia lô đất ở dân cư tập thể M và nông sản xuất nhập khẩu tại phường B, thành phố B1 nhưng đây là các quyết định hành chính có liên quan đến quyết định hành chính bị khởi kiện, nên Tòa án cấp sơ thẩm vẫn xem xét tính hợp pháp, tính có căn cứ của các quyết định nêu trên là đúng quy định tại khoản 1 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính.

[2] Xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án: Tòa cấp sơ thẩm xác định tư cách người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, một số đương sự vắng mặt nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền, hoặc có đơn xin xét xử vắng mặt, hoặc đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, nên Tòa án quyết định xét xử vắng mặt họ là đúng quy định tại khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 Luật tố tụng hành chính.

** Về nội dung:*

[3] Xét hồ sơ quản lý đất đai qua các thời kỳ thể hiện, thửa đất gia đình ông A đang sử dụng nằm trong khu đất chuyên dùng do Công ty M quản lý, sử dụng, gồm các thửa: Thửa số 144, thửa số 145, thửa số 146, thửa số 148 tờ bản đồ số 02 được lập năm 1993. Theo bản đồ đo đạc năm 2000 thì thửa đất của hộ gia đình ông A nằm trong các thửa đất số 78, 79 tờ bản đồ số 03 và thửa số 8, 25, 32, 37, 39 tờ bản đồ số 10 do Công ty M quản lý, sử dụng. Người khởi kiện cho rằng, năm 1989 gia đình ông A đã mua hóa giá thanh lý nhà gắn với diện tích đất này. Tuy nhiên, căn cứ hồ sơ bán nhà thanh lý, gồm: Quyết định số: 39/ HC-XN ngày 10/11/1989 của Xí nghiệp may Việt - Đức Vinh, về việc bán nhà ở khu tập thể cho cán bộ công nhân viên của xí nghiệp; Hợp đồng số: 79/CBCNV/XN, ngày 21/11/1989, mang tên bà Nguyễn Thị A2 với diện tích gian nhà hóa giá là 10,5 m²; Sơ đồ hoá giá số 17 phòng số 7 diện tích 10,5 m². Như vậy, căn cứ hồ sơ trên thì có việc năm 1989 bà A2 (vợ ông A) mua nhà thanh lý của Công ty M, nhưng chỉ là ½ gian nhà với diện tích 10,5m². Tại các văn bản nêu trên đều thể hiện rõ Xí nghiệp không có quyền bán đất, chỉ tạm giao để sử dụng đối với diện tích có công trình (10,5m²); quá trình sử dụng gia đình ông A đã tự lấn chiếm diện tích hiện trạng (*Theo Bản đồ đo đạc hiện trạng được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất phê duyệt ngày 09/5/2014*) là 105,9 m² được UBND phường B xác nhận diện tích nhà tập thể được hoá giá (*Có giấy tờ*) là 10,5m² và diện tích lấn chiếm ra đất khu tập thể trước ngày 15/10/1993 là 95,4m². Nhưng cũng chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nào giao đất, cấp đất theo quy định. Do đó, tại Quyết định số 1444/QĐ-UB.ĐC ngày 24/8/2004 của UBND tỉnh Nghệ An đã thu hồi diện tích 10.529,3m² được xác định là đất chuyên dùng do Công ty may mặc Nghệ An quản lý, sử dụng; đồng thời Quyết định số 2048/QĐ.UBND-CN ngày 08/6/2012 của UBND tỉnh Nghệ An đã thu hồi, bãi bỏ hồ sơ quy hoạch chi tiết xây dựng khu tập thể may mặc Việt Đức và khu tập thể Nông sản xuất nhập khẩu thể hiện là đất

chuyên dùng là có căn cứ. Do đất chuyên dùng, nên khi thu hồi đất không được bồi thường về đất là đúng quy định tại Điều 76; Điều 82 Luật đất đai.

Thực hiện đề án xóa nhà tập thể cũ trên địa bàn thành phố B1, tỉnh Nghệ An theo Quyết định số: 109/2007/QĐ-UBND, của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An được thực hiện với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm để hướng tới quy hoạch chỉnh trang đô thị, cải thiện đời sống nhân dân; áp dụng Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 27/10/2014 của UBND tỉnh Nghệ An để xem xét giao đất có thu tiền không qua đấu giá quyền sử dụng đất; nguồn vốn huy động từ quỹ đất tại chỗ, đóng góp xây dựng của các hộ được giao đất, với chính sách xã hội hóa, khuyến khích nhân dân trong các khu tập thể của các đơn vị trên địa bàn cùng với chính quyền sở tại thực hiện. Khi thực hiện quy hoạch, Ủy ban nhân dân thành phố B1 và các hộ dân thống nhất theo tinh thần nêu trên. Do đó, khi xây dựng giá đất trình UBND tỉnh phê duyệt ban hành Quyết định số 692/QĐ-UBND không bao gồm chi phí chuẩn bị đầu tư, chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng; phần diện tích và giá trị quyền sử dụng đất giữa nơi đến và nơi đi chính là phần giải phóng mặt bằng để xây dựng hạ tầng phục vụ cho chính các hộ dân. Do đó, việc UBND thành phố B1 ban hành Quyết định số 4314/QĐ-UBND ngày 11/7/2017 của UBND thành phố B1 về phê duyệt phương án xác định nghĩa vụ tài chính của hộ ông Nguyễn Mạnh A, Quyết định số: 5973/QĐ-UBND, ngày 09/10/2018 về giao đất ở có thu tiền sử dụng đất là có căn cứ, đúng quy định, phù hợp với thực tế tại địa phương.

[4] Đối với yêu cầu của ông A được giao đất tái định cư cho hộ anh Nguyễn Thế A3 (con ông A) thấy: Như đã phân tích ở trên, được xác định đây là thực hiện Đề án xóa nhà ở tập thể cũ trên địa bàn thành phố B1 được Ủy ban nhân dân Tỉnh Nghệ An phê duyệt tại Quyết định số: 109/2007/QĐ-UBND, ngày 21/9/2007 với mục tiêu quy hoạch cải tạo, xây dựng lại và từng bước xóa bỏ các khu nhà ở tập thể cũ, đảm bảo điều kiện sinh hoạt cho người dân đang ở trong khu tập thể, nhằm chỉnh trang và phát triển đô thị. Đây là sự sắp xếp lại chỗ ở trong khu tập thể trên cơ sở có sự thống nhất của các hộ dân cư, với 186/189 hộ dân, quỹ đất chỉ đảm bảo 1 hộ được phân 1 lô (Kể cả hộ có 2 hồ sơ). Trước khi hoàn thành bản vẽ UBND phường B và các đơn vị liên quan đã tổ chức nhiều cuộc họp lấy ý kiến của nhân dân, đã công khai và được 100% hộ dân thống nhất với phương án. Hơn nữa, con trai ông A không phải là đối tượng được mua nhà hóa giá và đề án 109 sắp xếp lại quy hoạch đất ở nhằm ổn định đời sống nhân dân và chỉnh trang đô thị, không phải là dự án thu hồi đất theo quy định tại Điều 62; Điều 63 Luật đất đai năm 2013. Do đó, việc ông Nguyễn Mạnh A đề nghị được giao thêm một lô tái định cư cho hộ con trai ông là không có căn cứ.

[5] Về yêu cầu của ông A buộc UBND thành phố B1 lập phương án bồi thường 100% giá trị tiền sử dụng đất đối với diện tích lấn chiếm là 95,4m², thấy: Như đã phân tích trên, đối chiếu với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như ông A thừa nhận thì diện tích 95,4m² đất là diện tích nằm ngoài diện tích bà A2

mua nhà thanh lý, các tài liệu liên quan đến việc mua nhà thanh lý cũng đã thể hiện rõ, Xí nghiệp chỉ bán tài sản trên đất không có quyền bán đất mà chỉ tạm giao quyền sử dụng đất trong phạm vi các công trình. Như vậy, với tài liệu, chứng cứ này thể hiện năm 1989 bà Nguyễn Thị A2 được mua nhà thanh lý của Xí nghiệp may Việt Đức, thực chất là mua thanh lý tài sản trên đất, không phải là tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền cho ông A vẫn khẳng định ngoài các tài liệu đã xuất trình cho Tòa án thì không có bất kỳ tài liệu gì để chứng minh quyền sử dụng đất; quá trình sử dụng đất bà A2, ông A cũng kê khai đăng ký đối với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, không có bất kỳ chứng cứ tài liệu nào chứng minh ông A, bà A2 đã được cơ quan có thẩm quyền nào chuyển nhượng, công nhận, giao quyền sử dụng đất theo quy định. Do đó, người khởi kiện cho rằng mình đủ điều kiện để được cấp GCNQSD đất theo quy định tại khoản 1 Điều 99; khoản 1 Điều 100 Luật đất đai là không có căn cứ. Bởi vì, theo quy định tại điểm g, điểm h khoản 1 Điều 99; điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 100 Luật đất đai đều quy định là người mua nhà ở, nhà thanh lý, hóa giá nhưng phải gắn liền với quyền sử dụng đất, nhưng bà A2 chỉ mua nhà thanh lý không gắn liền với quyền sử dụng đất, mà đất tạm thời xí nghiệp tạm giao quyền sử dụng. Từ đó cho thấy bà không đủ điều kiện để được công nhận quyền sử dụng đất, cũng như không đủ điều kiện để được cấp GCNQSD đất theo quy định của Luật đất đai. Từ đó, UBND thành phố B1 đã lập phương án bồi thường 50% giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích 95,4m² là đất lấn chiếm trước ngày 15/10/1993 theo quyết định số 4314 là đúng quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, nên việc ông A yêu cầu UBND thành phố B1 lập phương án bồi thường, hỗ trợ bằng 100% giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích 95,4m² và chi trả chênh lệch nơi đi và nơi đến là không có căn cứ.

[6] Đối với Quyết định số 4222, thấy: Như đã phân tích ở trên thì việc UBND thành phố B1 ban hành Quyết định số 5973 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật; không đồng ý với quyết định này, ông A đã có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND thành phố B1; Chủ tịch UBND thành phố B1 đã thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền; sau khi thụ lý Chủ tịch UBND thành phố B1 đã ban hành Quyết định số 1003/QĐ-UBND, ngày 04/3/2019 và Quyết định số 1723/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 tổ chức việc xác minh, đối thoại; đã giao cho các cơ quan chuyên môn thẩm tra, xác minh, thu thập chứng cứ, tổ chức đối thoại theo đúng quy định. Từ kết quả xác minh, như đã phân tích ở trên, Chủ tịch UBND thành phố B1 đã ban hành Quyết định số 4222, không chấp nhận khiếu nại của ông A là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tổng hợp các phân tích trên thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng trình tự, quy định của pháp luật; đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự; ông A kháng cáo nhưng không có thêm tình tiết gì mới để chứng minh cho yêu cầu của mình, nên không có căn

cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[7]. Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận, lẽ ra ông A phải nộp án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật, nhưng ông A là người cao tuổi, thương bình 4/4 thuộc đối tượng được miễn án phí, nên miễn án phí cho ông A.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

1. Bác kháng cáo của ông Nguyễn Mạnh A; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 38/2021/HC-ST ngày 23/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Nguyễn Mạnh A.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Cục THA dân sự tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Duy Nhiệm